

Bản án số: 39/2024/HS-ST
Ngày: 26-3-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Tuấn

2. Bà Trần Thị Thanh Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:**

Ông Phan Trần Vĩnh Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38.1/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh Q; sinh ngày: 15/3/2005 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường Phạm Văn H, Phường A, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Minh P và bà: Lê Thị T; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/6/2023 tại Nhà tạm giữ Công an Quận 10.

2. Trần Đức T; sinh ngày 07/10/2004 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường Đặng C, Phường H, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn M và bà: Nguyễn Thị Vũ Mộng T; tiền án:

Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/6/2023 tại Nhà tạm giữ Công an Quận 10.

(Các bị cáo có mặt).

- Bị hại:

Chị Vũ Thị Thu T, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: đường Cách Mạng Tháng T, Phường E, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 16/6/2023, bị cáo Trần Đức T chạy xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh, mang biển số 61E1-799.xx, đến địa chỉ số đường Trần Xuân S, phường Tân H, Quận B chờ bị cáo Q đi qua nhiều tuyến đường để tìm cơ hội chiếm đoạt tài sản. Khi cả hai đến trước nhà số đường Cao T, Phường E, Quận D, bị cáo Q thấy chị Vũ Thị Thu T đang đi bộ, bên vai trái có đeo một túi xách bằng vải màu trắng, nên nói cho bị cáo T biết. Bị cáo T điều khiển xe quay lại áp sát bên trái chị T; bị cáo Q giật chiếc túi xách của chị T. Bị cáo T tăng ga xe chờ bị cáo Q tẩu thoát về hướng đường Cao T, ra Đường B. Trên đường tẩu thoát, bị cáo Q mở túi xách kiểm tra bên trong có: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 - 64GB, 01 cặp tai nghe AirPods, 01 balo nhỏ màu đỏ đựng 01 bao lì xì màu đỏ có 10.000.000 đồng, 01 phong bì màu trắng bên trong có 2.000.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân, 01 căn cước công dân, 02 thẻ ngân hàng. Sau đó, bị cáo T chờ bị cáo Q đến cửa hàng điện thoại di động Huy V, địa chỉ số đường Đặng C, Phường A, Quận H, bán chiếc điện thoại Iphone 12 cho anh Nguyễn Hữu V, được 2.500.000 đồng. Sau khi lấy hết tiền và điện thoại bên trong, bị cáo Q đã vứt bỏ chiếc túi xách màu trắng bằng vải và balo màu đỏ trên đường Âu Dương L, Quận H và vứt bỏ tai nghe cùng giấy tờ cá nhân của chị T tại khu đất trống gần sân bóng đá Hoàng L, Quận H.

Đến 09 giờ ngày 19/6/2023, chị Vũ Thị Thu T đến Công an Phường 12, Quận 10 trình báo việc bị chiếm đoạt tài sản, bên trong túi xách có: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12, 64GB; 01 cặp tai nghe AirPods; tiền mặt 12.000.000 đồng; 02 thẻ ngân hàng; 01 chứng minh nhân dân và 01 căn cước công dân mang tên Vũ Thị Thu T. Công an Phường 12, Quận 10 lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 xử lý.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 4636/KL-HĐĐGTS ngày 20/12/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban

nhân dân Quận 10 đối với chiếc điện thoại Iphone 12 trị giá 11.000.000 đồng và cặp tai nghe AirPods trị giá 1.500.000 đồng.

Qua điều tra truy xét, Cơ quan điều tra xác định các bị cáo Nguyễn Minh Q, Trần Đức T là người đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị T. Ngày 21/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã khởi tố bị can và ra Lệnh bắt tạm giam đối với Nguyễn Minh Q. Ngày 28/6/2023, bị cáo Trần Đức T đến Công an Quận 10 đầu thú.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị cáo Nguyễn Minh Q, Trần Đức T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Bị cáo Nguyễn Minh Q khai: Sau khi bán chiếc điện thoại di động chiếm đoạt được, các bị cáo chia nhau mỗi người 7.000.000 đồng; còn lại số tiền 500.000 đồng, cả hai cùng đi ăn. Bị cáo Trần Đức T khai: Bị cáo Q nói trong túi xách không có tài sản gì và chỉ chia cho bị cáo T 2.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã tiến hành cho các bị cáo Nguyễn Minh Q và Trần Đức T đối chất, để làm rõ mâu thuẫn. Kết quả, các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai.

Ngoài ra, bị cáo Q còn khai nhận cùng với Trần Công K thực hiện hành vi cướp giật túi xách tại ngã ba Đường số U, khu dân cư Trung S, xã Bình H, huyện Bình C vào ngày 17/6/2023. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 25/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Tại Cơ quan điều tra, anh Nguyễn Hữu V khai không biết chiếc điện thoại Iphone 12 màu trắng là do bị cáo Q phạm tội mà có. Anh Văn đã tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10.

Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12, dung lượng 64GB, màu trắng; số imel: 352619278173xxx; imel2: 352619278240xxx. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho chị Vũ Thị Thu T.

- 01 xe máy hiệu Honda Vision, mang biển số 61E1-799.xx, số khung: RLHJF5832LY8xxx; số máy: JF86E0406xxx, giám định số khung, số máy không thay đổi. Xác minh xe, do chị Phùng Thị Thu L đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Chị L khai đứng tên xe giúp cho chị Đỗ Thị Thu T. Chị T xác nhận, xe trên chị mua vào tháng 3/2020 và nhờ em dâu là Chị L đứng tên đăng ký xe. Đến giữa năm 2022, chị T cho cháu là Nguyễn Trần Thanh T sử dụng làm phương tiện đi lại. Ngày 16/6/2023, T cho bị cáo T mượn đi mua đồ; bị cáo T tự ý sử dụng làm phương tiện đi cướp giật tài sản, như trên. Việc bị cáo T sử dụng xe đi cướp giật tài sản thì Chị L, chị T và T hoàn toàn không biết. Cơ

quan điều tra đã trả chiếc xe trên cho Chị L, nhận lại xe Chị L không yêu cầu gì khác.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu bạc, số IMEI: 353294073450xxx, là điện thoại bị cáo Q dùng để liên lạc rủ bị cáo T đi cướp giật tài sản.

- 01 đôi dép kẹp màu trắng có chữ “havaianas” và 01 đôi dép lê màu đen, đây là dép các bị cáo sử dụng vào ngày 16/6/2023.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 đã có Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 chờ xử lý.

- 01 đĩa CD chứa dữ liệu hình ảnh camera (Đính kèm hồ sơ).

Về dân sự: Chị Vũ Thị Thu T đã nhận lại điện thoại di động hiệu Iphone 12 bị chiếm đoạt và yêu cầu hai bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 18.000.000 đồng, gồm: 12.000.000 đồng tiền mặt, 01 cặp tai nghe Airpod giá 3.000.000 đồng và 3.000.000 đồng phí làm lại giấy tờ. Ông Nguyễn Hữu Văn không yêu cầu bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKSQ10 ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Các bị cáo Nguyễn Minh Q, Trần Đức T về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đồng thời gửi lời xin lỗi đến bị hại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo đối với xã hội, bị hại và nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo T có thêm tình tiết giảm nhẹ đầu thú; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tương ứng với từng bị cáo, xử phạt mỗi bị cáo từ 04 năm đến 05 năm tù, miễn phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo, buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại và đề nghị xử lý vật chứng.

- Ý kiến của các bị cáo: Không có ý kiến gì tranh luận.

- Ý kiến của bị hại: Đồng ý với mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do các bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định các bị cáo Nguyễn Minh Q, Trần Đức T đã có hành vi dùng thủ đoạn nguy hiểm là sử dụng xe mô tô có phân khối lớn, lợi dụng sự sơ hở của người khác mà nhanh chóng công khai cướp giật tài sản của bị hại ngay trên đường phố, tài sản các bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị là 24.500.000 đồng. Do vậy, các bị cáo Nguyễn Minh Q, Trần Đức T bị truy tố và xét xử về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong vụ án này có đồng phạm nhưng chỉ thông mưu giãn đơn trong đó bị cáo T là người cung cấp phương tiện và điều khiển phương tiện chở bị cáo Q đi cướp giật tài sản. Bị cáo Q là người trực tiếp giật tài sản của bị hại nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự bằng nhau.

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm trật tự an toàn giao thông, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo lần này cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy tại phiên toà các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội nhưng cho rằng mình không phải là người khởi xướng mà đổ qua cho người kia khởi xướng thể hiện chưa thật sự ăn năn hối cải. Ngoài ra bị cáo T có thêm tình tiết giảm nhẹ là đầu thú. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tương ứng với từng bị cáo để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tương ứng đối với các bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Ngoài ra các bị cáo phạm tội lần đầu nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Chị Vũ Thị Thu T yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 18.000.000 đồng bao gồm: 12.000.000 đồng tiền mặt, 01 cặp tai nghe Airpod giá 3.000.000 đồng và 3.000.000 đồng phí làm lại giấy tờ. Tại phiên toà các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường cho bị hại theo phần bằng nhau. Xét thấy việc các bị cáo đồng ý bồi thường theo phần bằng nhau cho bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu bạc, số IMEI: 353294073450xxx của bị cáo Q. Xét thấy đây là tài sản bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 đôi dép kẹp màu trắng có chữ “havaianas” và 01 đôi dép lê màu đen. Xét thấy đây là tài sản của các bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nhưng không có giá trị, các bị cáo không nhận lại nên Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy.

[6] Về án phí (hình sự + dân sự) sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điều 48; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Minh Q;

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điều 48; Điều 50; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Đức T;

- Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Minh Q, Trần Đức T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Đức T 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/6/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Q 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2023.

Miễn phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh Q và bị cáo Trần Đức T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại chị Vũ Thị Thu T số tiền 18.000.000 (mười tám triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu bạc, số IMEI: 353294073450xxx.

Tịch thu và tiêu hủy đối với 01 đôi dép kẹp màu trắng có chữ “havaianas” và 01 đôi dép lê màu đen.

(Tình trạng vật chứng: Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/3/2024 giữa Công an Quận 10 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10).

Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Buộc các bị cáo phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 900.000 (chín trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án;

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND TP HCM; (1)
- VKSND Q.10; (3)
- Công an Q.10; (2)
- Chi cục THADS Q.10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (4)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Quyết